

Bản án số: 59/2024/HS-PT

Ngày: 23/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/TLPT - HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Thế T, Mai Hồng T1, Võ Thị Ngọc T2, Nguyễn Thế V do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thế T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế P, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Q (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Võ Thị Ngọc T2** (tên gọi khác: M), sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969; bị cáo có chồng là Đào Đỗ Đ, sinh năm 1978 và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Mai Hồng T1** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân K, sinh năm 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thế V** (tên gọi khác: H1), sinh năm 1987, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn F, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H2 (đã chết); bị cáo có vợ là bà Ngô Thị Thu T4, sinh năm 1987 và 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 12/10/2009, bị TAND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 84/2009/HSST.

- Ngày 22/4/2013, bị TAND huyện B1 xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 55/2013/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Thế T: Ông Lê Thế P (bố ruột), sinh năm 1960; Cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 21/01/2024, Phạm Minh T5, Nguyễn Thế V, Lê Thế T và Phạm Công T6 gặp nhau tại quán tạp hóa của bà Trần Thị Đ1 ở thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thì T5, V, T rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua tiền. Sau đó, T5 mua một bộ bài tây loại 52 lá rồi tất cả đi vào phòng bếp nhà bà Đ1 để đánh bạc. Tại đây, T5 dùng dụng cụ đã chuẩn bị sẵn từ trước cắt lá bài thành 4 quân vị hình tròn và lấy chén, đĩa ở nhà bà Đ1 rồi T5, V, T ngồi xuống nền nhà đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, còn T6 ngồi xem. Lúc sau, Võ Thị Ngọc T2 đến nhà bà Đ1 chơi thấy đang đánh bạc liền ngồi xuống đánh cùng. Trong lúc đánh bạc, T2 mượn của T5 700.000 đồng để đánh bạc, V thắng và cho T6 số tiền 350.000 đồng, T6 sử dụng số tiền này để đánh bạc. Một lúc sau, lần lượt Phạm Ngọc T7, Lê Thị Thu H3 đến nhà bà Đ1 chơi đánh bạc. Tất cả đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T2 thua hết số tiền đem theo và trả hết nợ cho T5 nên đứng dậy đi về, thấy vậy H3 cũng đứng dậy đi về. Lúc này Mai Hồng T1 đến nhà bà Đ1 chơi thấy đang đánh bạc cũng ngồi xuống đánh bạc với

T5, T, V, T7, T6 đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

- Phạm Minh T5 sử dụng số tiền 2.950.000 đồng đánh bạc, thắng được 550.000 đồng.

- Lê Thế T sử dụng số tiền 1.500.000 đồng đánh bạc, thắng được 600.000 đồng.

- Nguyễn Thế V mang theo số tiền 8.000.000 đồng, đã sử dụng số tiền 2.000.000 đồng đánh bạc, đã thua 1.700.000 đồng (tính luôn cả số tiền cho Phạm Công T6 350.000 đồng).

- Võ Thị Ngọc T2 sử dụng số tiền 1.100.000 đồng đánh bạc (trong đó mang theo 400.000 đồng, sau khi đánh thua thì vay của Phạm Minh T5 700.000 đồng và đánh thắng bằng số tiền đã vay nên đã trả lại số tiền này cho T5).

- Phạm Công T6 sử dụng số tiền 350.000 đồng (tiền này Nguyễn Thế V cho) vào mục đích đánh bạc và thua 50.000 đồng.

- Phạm Ngọc T7 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc và thắng được 1.000.000 đồng.

- Lê Thị Thu H3 sử dụng số tiền 250.000 đồng vào mục đích đánh bạc và không thua, không thắng.

- Mai Hồng T1 sử dụng số tiền 300.000 đồng vào mục đích đánh bạc và không thắng, không thua.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.450.000 đồng (tại thời điểm Võ Thị Ngọc T2, Lê Thị Thu H3 nghỉ không đánh bạc nữa có tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.150.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2 (tên gọi khác: M), Mai Hồng T1, Nguyễn Thế V (tên gọi khác: H1) phạm tội “Đánh bạc”

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Lê Thế T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Võ Thị Ngọc T2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Mai Hồng T1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 01 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; 50; 58; 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Thế V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 21 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/6/2024 bị cáo Nguyễn Thế V có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo

Ngày 04/6/2024 bị cáo Lê Thế T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo

Ngày 05/6/2024 bị cáo Võ Thị Ngọc T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo

Ngày 05/6/2024 bị cáo Mai Hồng T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1, Nguyễn Thế V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thế V, Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Trưa ngày 21/01/2024 tại nhà bà Đ1 (thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước) các bị cáo T, T1, T2, V cùng các bị cáo T7, T6, T5 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.450.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế V, Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thế V, Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án trên, các bị cáo đánh bạc với số tiền từ 300.000 đồng đến 2.000.000 đồng (thấp nhất bị cáo T1 đánh 300.000 đồng, cao nhất bị cáo V đánh 2.000.000 đồng). Các bị cáo T, T2, T1 được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T, T2 là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo V được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên sau khi xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T, T2, T1 hình phạt 07 tháng tù; xử phạt bị cáo V 09 tháng tù là tương xứng, không nặng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, các bị cáo T, T2 và T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Thủy cung c thêm giấy xác nhận chồng bị cáo bị tai nạn giao thông, bị cáo là lao động chính trong gia đình và nuôi hai con nhỏ; bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông Mai Thiên T8 (ông nội của bị cáo) là người có công cách mạng, được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị tổn thương khí quản, mổ khí quản, lắp ống truyền thuốc và thức ăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 được xem xét cho các bị cáo. Xét các bị cáo T, T2, T1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

Đối với bị cáo V, bị cáo là người có nhân thân xấu từng hai lần bị xử phạt về các hành vi phạm tội cướp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là phù hợp, đảm bảo tính răn đe nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 không phải chịu. Bị cáo Nguyễn Thế V phải chịu 200.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thế V

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế V. Cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 50, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế V (tên gọi khác: H1) phạm tội “Đánh bạc”

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó tính từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024.

[2] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1. Cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 phạm tội “Đánh bạc”

- Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Lê Thế T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc T2 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Mai Hồng T1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Thế T, Võ Thị Ngọc T2, Mai Hồng T1 không phải chịu.

Bị cáo Nguyễn Thế V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện B1;
- CQTHAHS CA huyện B1;
- CQĐT CA huyện B1;
- CQCSĐT CA huyện B1;
- Chi cục THADS huyện B1;
- Bị cáo;
- UBND xã Đa Kia, huyện B1;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thanh Thảo